

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- HÀ NỘI



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	6
<i>Điều 1.</i> Phạm vi điều chỉnh.....	6
<i>Điều 2.</i> Giải thích thuật ngữ.....	6
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	8
<i>Điều 3.</i> Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	8
<i>Điều 4.</i> Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	8
<i>Điều 5.</i> Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	8
<i>Điều 6.</i> Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	8
<i>Điều 7.</i> Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	9
<i>Điều 8.</i> Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	9
<i>Điều 9.</i> Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ	9
<i>Điều 10.</i> Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ	9
<i>Điều 11.</i> Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	9
<i>Điều 12.</i> Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	10
<i>Điều 13.</i> Cách thức biểu quyết trong ĐHĐCĐ	10
<i>Điều 14.</i> Cách thức kiểm phiếu.....	10
<i>Điều 15.</i> Điều kiện để nghị quyết được thông qua	11
<i>Điều 16.</i> Thông báo kết quả kiểm phiếu	11
<i>Điều 17.</i> Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	11
<i>Điều 18.</i> Lập Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ	11
<i>Điều 19.</i> Công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	11
<i>Điều 20.</i> Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	11
Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	12
<i>Điều 21.</i> Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến ..	12
Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	14
<i>Điều 22.</i> Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản.....	14

<i>Điều 23.</i>	Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	14
Mục 5. Quy định về một số báo cáo phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên		14
<i>Điều 24.</i>	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	14
<i>Điều 25.</i>	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	15
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		15
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....		15
<i>Điều 26.</i>	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	15
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT		17
<i>Điều 27.</i>	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT	17
<i>Điều 28.</i>	Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT	17
<i>Điều 29.</i>	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	18
<i>Điều 30.</i>	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	19
<i>Điều 31.</i>	Cách thức bầu thành viên HĐQT	19
<i>Điều 32.</i>	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT.....	20
<i>Điều 33.</i>	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	20
<i>Điều 34.</i>	Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	20
Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT		21
<i>Điều 35.</i>	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	21
Mục 4. Cuộc họp Hội đồng quản trị		21
<i>Điều 36.</i>	Quy định chung về các cuộc họp của HĐQT.....	21
<i>Điều 37.</i>	Thông báo họp HĐQT.....	21
<i>Điều 38.</i>	Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát	21
<i>Điều 39.</i>	Điều kiện tổ chức họp HĐQT	22
<i>Điều 40.</i>	Cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT	22
<i>Điều 41.</i>	Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	22
<i>Điều 42.</i>	Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;.....	22
<i>Điều 43.</i>	Lập biên bản họp HĐQT	22
<i>Điều 44.</i>	Thông báo nghị quyết HĐQT.....	23
Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT		23

Điều 45.	Các tiểu ban thuộc HĐQT	23
Điều 46.	Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban	24
Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty		24
Điều 47.	Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (nếu có)	24
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT		24
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....		24
Điều 48.	Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.	24
Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát		26
Điều 49.	Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát	26
Điều 50.	Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	27
Điều 51.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên và cách thức giới thiệu ứng cử viên Ban kiểm soát	27
Điều 52.	Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát	27
Điều 53.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát	27
Điều 54.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	28
Điều 55.	Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát	28
CHƯƠNG V: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP		28
Điều 56.	Tổ chức bộ máy quản lý	28
Điều 57.	Giám đốc	28
Điều 58.	Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	29
Điều 59.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	29
Điều 60.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	29
Điều 61.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	29
CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC		29
Điều 62.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS	29
Điều 63.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc	30
Điều 64.	Việc tiếp cận thông tin	30
Điều 65.	Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc	31
Điều 66.	Phối hợp giữa Giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.	31
CHƯƠNG VII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,		

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	
DOANH NGHIỆP KHÁC	32
<i>Điều 67.</i> Đánh giá hoạt động.....	32
<i>Điều 68.</i> Khen thưởng	32
<i>Điều 69.</i> Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	32
CHƯƠNG VIII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
<i>Điều 70.</i> Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	33
CHƯƠNG IX: HIỆU LỰC THI HÀNH	33
<i>Điều 71.</i> Hiệu lực thi hành	33

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- HÀ NỘI

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2023/NQ-ĐHĐCĐ/BSGHN ngày 07/04/2023
của Đại hội đồng cổ đông)*

Chương I: Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội áp dụng khi Công ty cổ phần niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội. Quy chế này được xây dựng theo qui định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- b. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- c. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- d. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nd-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- e. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội;

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Chữ viết tắt:

- a. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
- b. “HDQT”: Hội đồng quản trị;
- c. “BKS”: Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;

- Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
 - Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
 - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
- b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán;
 - c. “Công ty” là Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội
 - d. “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội” số 0102314051 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 9 năm 2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;
 - e. “Đại biểu” là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
 - g. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
 - h. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Giám đốc;
 - i. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - j. “Thành viên HĐQT độc lập” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;
 - k. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
 - l. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
 - n. “Người nội bộ” là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương II: Đại hội đồng cổ đông

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty.
3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
2. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
3. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 8. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết hoặc số phiếu bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.

5. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Cách thức biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

2. Việc biểu quyết bầu thành --viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo các phương thức quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ Công ty. Việc biểu quyết bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức/ Quy chế bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các phiếu bầu cử này cũng sẽ được cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

Điều 14. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết tại đại hội, số thẻ “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đếm riêng. Tổng số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” theo từng vấn đề được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

3. Khi tiến hành biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết thu về so với số phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu

quyết thu về. Số phiếu “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.

Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu hợp lệ, trong đó bao gồm số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến và số phiếu không hợp lệ, tương ứng với tỷ lệ biểu quyết đối với từng vấn đề được các cổ đông biểu quyết tại cuộc họp. Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu bầu của từng ứng cử viên thành viên HĐQT. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

Điều 17. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18. Lập Nghị quyết, Biên bản họp ĐHĐCĐ

Việc lập Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ

Nghị quyết, Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 20. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cuộc họp được tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) tham dự họp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (nếu có) có thể đăng ký tham dự họp trực tiếp (trong trường hợp tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến) theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và theo hướng dẫn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Cách thức bỏ phiếu, thực hiện biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại điểm a khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, những cổ đông dự họp trực tiếp thực hiện biểu quyết theo cách thức quy định tại Điều 13 Quy chế này. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và tổng hợp kết quả biểu quyết, bầu cử của tất cả các cổ đông dự họp.

c. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 19 Quy chế này.

11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và có hiệu lực theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp

Điều 23. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Mục 5. Quy định về một số báo cáo phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 24. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công

ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc.
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 25. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.
6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

Chương III: Hội đồng quản trị

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
 - c. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.
 - d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.
 - e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
 - f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
 - h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của công ty.
 - i. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Quy chế này.
 - j. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
 - k. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm v khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.
 - l. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - m. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;.
 - n. Phê duyệt hạn mức vay, tín dụng ngân hàng.
3. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị
- Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

e. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn;

f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

g. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

h. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị được quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty và Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

5. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 Điều 32 Điều lệ Công ty. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.

c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.

d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 27. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người..

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị
Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tuân thủ các quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên HĐQT của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa năm (05) công ty khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện như sau:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan

Điều 29. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 28 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử, giới thiệu.

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Việc giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty. Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Hồ sơ thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị cần thiết cho việc giới thiệu ứng viên gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu

bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Quy chế này;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.

b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 33. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 34. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ

trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

Mục 4. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 36. Quy định chung về các cuộc họp của HĐQT

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu

Chủ tịch có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường được quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 37. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Điều lệ Công ty quy định, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 38. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 39. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 40. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 33 Điều lệ Công ty.

Điều 41. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

2. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 42. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 43. Lập biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;

- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 44. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Điều 45. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HQĐT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 46. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 47. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (nếu có)

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

a. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành các công việc được giao;
- Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

b. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty.

Chương IV: Ban kiểm soát

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

Điều 48. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, và các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

a. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Và các trách nhiệm sau:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Trường hợp vi phạm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại khoản 2 Điều 42 Điều lệ Công ty.

Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 49. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng: Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 51. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên và cách thức giới thiệu ứng cử viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử, giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử, giới thiệu ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 53. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp số lượng thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.

Điều 54. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 55. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.

Chương V: Người điều hành doanh nghiệp

Điều 56. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 57. Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Thành viên Ban kiểm soát của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 58. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 59. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 60. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 61. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VI: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Giám đốc

Điều 62. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

- a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
- b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

- b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
- c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng căn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 63. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Giám đốc

- 1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
- 4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.

Điều 64. Việc tiếp cận thông tin

- 1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ

quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 65. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
- b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
- e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 66. Phối hợp giữa Giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.

1. Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

4. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

Chương VII: Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

Điều 67. Đánh giá hoạt động

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc.

2. Trưởng ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Thành viên Ban kiểm soát.

3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.

Điều 68. Khen thưởng

1. Thẩm quyền phê duyệt khen thưởng:

Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc:

- Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quyết toán quỹ thưởng, phúc lợi; Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc.

- Giám đốc phê duyệt Phân phối mức thưởng, phúc lợi cho người lao động.

2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm.

3. Chế độ khen thưởng:

- Bằng tiền;

- Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.

5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 69. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy định liên quan đến kỷ luật lao động dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

Chương VIII: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

Điều 70. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này được Giám đốc đề xuất, Hội đồng quản trị rà soát, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương IX: Hiệu lực thi hành

Điều 71. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 9 Chương 71 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 07 tháng 04 năm 2023.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Lâm Du An

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

(Đính kèm Tờ trình số .../TTr-ĐHĐCĐ, ngày 07 tháng 04 năm 2023)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi” là phần **in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP là Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/nđ-cp ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hiện hành	Quy định tại Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Ghi chú
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 105/2018/NQ-ĐHĐCĐ/BSGHN ngày 29/06/2018	(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2023/NQ-ĐHĐCĐ/BSGHN ngày 07/04/2023	Cập nhật thông tin

của Đại hội đồng cổ đông)		của Đại hội đồng cổ đông)	
Khoản 2, Điều 26, Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:			
Không có		mm. Phê duyệt hạn mức vay, tín dụng ngân hàng.	Bổ sung theo MOA
Điều 68. Khen thưởng		Bổ sung theo MOA	
1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, <u>Trưởng ban kiểm soát và Giám đốc, Giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.</u>	1. <u>Thẩm quyền phê duyệt khen thưởng:</u> Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc: - Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quyết toán quỹ thưởng, phúc lợi; Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc. - Giám đốc phê duyệt Phân phối mức thưởng, phúc lợi cho người lao động.		
2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hàng năm. <u>Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</u>	2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hàng năm.		
Điều 70. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Điều 70. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty		
<u>Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này được Hội đồng quản trị đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này được Giám đốc đề xuất, Hội đồng quản trị rà soát, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.		

Điều 71. Hiệu lực thi hành		
1. Quy chế này gồm 9 Chương 71 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày <u>26 tháng 3 năm 2021.</u>	1. Quy chế này gồm 9 Chương 71 Điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày <u>07 tháng 04 năm 2023.</u>	Cập nhật thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội
Tel: (+84).024. 3765 3338. Fax: (+84).024.3 765 3336.
Email: info@sabecohanoi.com.vn.
Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Số: 52 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế về đề cử, ứng cử, bầu cử
thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.vnn.vn. Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội sẽ tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ mới 2023-2028.

Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội như sau:

Điều 1. Đối tượng có quyền bầu cử

Là các cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt ngày 07/03/2023) có mặt tại ĐHĐCĐ.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ / từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty CP Bia Sài Gòn – Hà Nội.
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ (hoặc đại hội) : Đại hội đồng cổ đông.
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền).

Điều 3. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

Điều 4. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên HĐQT: 05 người.

2. Nhiệm kỳ: 2023-2028

3. Số lượng ứng cử viên HĐQT: Tối thiểu 05 người.

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty):



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.vnn.vn. Website: www.sabecohanoi.com.vn.

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;

5. Quyền đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Lưu ý: ứng cử viên được đề cử phải thỏa mãn các tiêu chuẩn tại khoản 4 Điều 4 quy chế này.

Điều 5. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

1. Số lượng thành viên BKS: 03 người.

2. Nhiệm kỳ: 2023 - 2028

3. Số lượng ứng cử viên BKS: Tối thiểu 03 người.

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên BKS: (theo điều 169 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

5. Quyền đề cử, ứng cử thành viên BKS:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Lưu ý: ứng cử viên được đề cử phải thỏa mãn các tiêu chuẩn tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.vnn.vn. Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Điều 6. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT và BKS:

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử/ đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu).
 - Biên bản họp nhóm (Nếu có, theo mẫu);
 - Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)
 - Bản sao công chứng các giấy tờ sau: CMNN/ Thẻ căn cước công dân/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú, Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn.
- Các biểu mẫu đã được Công ty đăng tải trên website: www.sabecohanoi.com.vn.
- Người đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước đại hội về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Hồ sơ gửi về Công ty trước 12 giờ ngày 06/4/2023, theo địa chỉ sau:

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Địa chỉ: A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243.3765.3338

Fax: (+84).4.3 765 3336

Email: info@sabecohanoi.com.vn

Điều 7. Danh sách ứng viên

- Dựa vào hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ đính kèm của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu vào HĐQT, BKS.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được ghi đầy đủ họ tên trên phiếu bầu.

Điều 8. Phương thức bầu cử

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty)
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu vào HĐQT/BKS.
- Đại biểu có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Nội dung của Phiếu bầu

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu tham dự trực tiếp sẽ được phát Phiếu bầu Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.vnn.vn. Website: www.sabecohanoi.com.vn.

2. Cách ghi Phiếu bầu

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng thành viên được bầu vào HĐQT/BKS.
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu cử sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu; phiếu gạch, xóa, sửa chữa ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Hội đồng quản trị thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên HĐQT/BKS được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của đại biểu lớn hơn tổng số phiếu bầu được ghi trên phiếu bầu cử;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

Điều 10. Ban kiểm phiếu và trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra kết quả bầu cử khách quan, chính xác.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu.
- Kết quả bầu cử được công nhận sau khi thông qua Biên bản kiểm phiếu tại Đại hội.
- Ban kiểm phiếu phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả bầu cử.

Điều 11. Nguyên tắc Bỏ phiếu và Kiểm phiếu.

- Trong trường hợp có sự sai sót, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát. Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. Việc bỏ phiếu được bắt đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.vnn.vn. Website: www.sabecohanoi.com.vn.

khi việc phát biểu bầu cử được hoàn thành và kết thúc khi cổ đông có mặt tại Đại hội cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của đại biểu (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

Điều 12. Nguyên tắc trúng cử

- Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT/BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT/BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 13. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu.

Toàn văn bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 14. Điều khoản chung

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản của Đại hội.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội kết thúc.

Trên đây là toàn bộ Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Quy chế này được đọc công khai trước ĐHĐCĐ để biểu quyết thông qua.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Mẫu số 01

**ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI
NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tôi tên là:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:..... Email:.....

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Tại:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại: cổ phần, tương ứng với: % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu HĐQT tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày..... tháng.....năm 2023

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Đơn này phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 12h thứ 5 ngày 06/04/2023 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội, A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Nếu cổ đông là tổ chức thì cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai

2. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI
NHIỆM KỲ 2023 – 2028

Kính gửi : BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tên cá nhân/ Tổ chức:
CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số:Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:.....
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*)
chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028, cụ thể như sau:

Ông (Bà):
CMTND/ĐKKD số:Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*) (*nếu có*)

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông/bà có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội. Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội năm 2023 ghi nhận ứng cử viên nêu trên vào danh sách ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2023
CÓ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý :

- Đơn này phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 12h thứ 5 ngày 06/04/2023 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội, A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Nếu cổ đông là tổ chức thì cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức.

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
2. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

Vào hồi.....giờ....., ngày...../03/2017, tại....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số cổ phần sở hữu	Thời gian sở hữu liên tục tính đến ngày 07/03/2023	Ký tên (đóng dấu nếu là tổ chức)
1						
2						
3						
4						
5						
			Tổng cộng			

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội ngày 16/03/2023 và Luật doanh nghiệp năm 2020, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028. Cụ thể như sau:

1. Ông (Bà):.....
CMND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ.....) (nếu có)

2. Ông/ Bà:

3. Ông/ Bà:

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử:

Tên cá nhân/ tổ chức:
CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số.....ngày cấp.....nơi cấp.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại liên hệ:.....

Làm đại diện ủy quyền cho Nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội.
Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội năm 2023 ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028 của nhóm cổ đông nêu trên.

Chúng tôi xin đính kèm thông tin cá nhân của ứng cử viên theo Biên bản này.

Biên bản này gồm ... trang, được lập xong hồigiờ....., ngày/.../2023 tại....., được đọc lại cho nhóm cổ đông cùng nghe, cùng thống nhất và cùng ký tên dưới đây.

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA TỪNG CỔ ĐÔNG TRONG NHÓM CỔ ĐÔNG
(Cổ đông ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý :

- Đơn này phải gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 12h thứ 5 ngày 06/04/2023 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội, A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Cổ đông phải gửi kèm theo xác nhận của tổ chức phát hành hoặc sao kê tài khoản để chứng minh thời gian nắm giữ liên tục tối thiểu 06 tháng theo quy chế bầu cử thành viên..
- Nếu cổ đông là tổ chức thì cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức

**ĐƠN ỨNG CỬ
THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI NHIỆM KỲ 2023 – 2028**

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tôi tên là:.....

Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:..... Email:.....

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Tại:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu liên tục ít nhất sáu tháng cho đến thời điểm hiện tại: cổ phần, tương ứng với: % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu BKS tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày..... tháng.....năm 2023

**ỨNG CỬ VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)**

Lưu ý :

- Đơn này phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 12h thứ 5 ngày 06/04/2023 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội, A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Nếu cổ đông là tổ chức thì cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
2. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI NHIỆM KỲ 2023 – 2028

Kính gửi : BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

Tên cá nhân/ Tổ chức:.....
CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:.....
Địa chỉ:.....
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*:) chiếm % tổng số
cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử ứng cử
viên tham gia vào Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028, cụ
thể như sau:

Ông (Bà):
CMTND/ĐKKD số: Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ*:) (*nếu có*)

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông/bà có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí
thành viên BKS theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên BKS tại Đại hội Cổ
đồng thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội. Tôi/chúng tôi cam kết
chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời
cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu BKS nhiệm kỳ 2023-
2028 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà
Nội năm 2023 ghi nhận ứng cử viên nêu trên vào danh sách ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm
soát Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2023
CỔ ĐÔNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý :

- Đơn này phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 12h thứ 5 ngày 06/04/2023 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần
Bia Sài Gòn – Hà Nội, A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà
Nội, Việt Nam.
- Nếu cổ đông là tổ chức thì cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức.

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
2. Bản sao hợp lệ Chứng minh thư nhân dân/ hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương
đương và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên

BIÊN BẢN HỌP NHÓM
ĐỀ CỬ' ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

Vào hồi.....giờ....., ngày...../03/2017, tại....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ/Trụ sở	Số cổ phần sở hữu	Thời gian sở hữu liên tục tính đến ngày 07/03/2023	Ký tên (đóng dấu nếu là tổ chức)
1						
2						
3						
4						
5						
			Tổng cộng			

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông và các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị tại Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội ngày 16/03/2023 và Luật doanh nghiệp năm 2020, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028. Cụ thể như sau:

1. Ông (Bà):.....
CMND/Hộ chiếu số:Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ.....) (nếu có)

4. Ông/ Bà:

5. Ông/ Bà:

Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử:

Tên cá nhân/ tổ chức:
CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD số.....ngày cấp.....nơi cấp.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại liên hệ:.....

Làm đại diện ủy quyền cho Nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng quy định về việc đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội.
Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội năm 2023 ghi nhận danh sách ứng cử viên tham gia vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội nhiệm kỳ 2023-2028 của nhóm cổ đông nêu trên.

Chúng tôi xin đính kèm thông tin cá nhân của ứng cử viên theo Biên bản này.

Biên bản này gồm ... trang, được lập xong hồigiờ...., ngày/.../2023 tại....., được đọc lại cho nhóm cổ đông cùng nghe, cùng thống nhất và cùng ký tên dưới đây.

HỌ TÊN VÀ CHỮ KÝ CỦA TỪNG CỔ ĐÔNG TRONG NHÓM CỔ ĐÔNG
(Cổ đông ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

Lưu ý :

- Đơn này phải gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 12h thứ 5 ngày 06/04/2023 theo địa chỉ sau: Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn – Hà Nội, A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Cổ đông phải gửi kèm theo xác nhận của tổ chức phát hành hoặc sao kê tài khoản để chứng minh thời gian nắm giữ liên tục tối thiểu 06 tháng theo quy chế bầu cử thành viên..
- Nếu cổ đông là tổ chức thì cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức.

Hình ảnh
Picture
(3x4)

SƠ YẾU LÝ LỊCH
CURRICULUM VITAE

Ứng cử viên/ Candidate for:¹

Họ và tên/ <i>Full name</i>	
Giới tính/ <i>Gender</i>	
Ngày sinh/ <i>Date of birth</i>	
CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước <i>Identity card/Passport</i>	
Ngày cấp/ <i>Date of issue</i>	
Nơi cấp/ <i>Place of issue</i>	
Quốc tịch/ <i>Nationality</i>	
Dân tộc/ <i>Ethnic group</i>	
Địa chỉ thường trú <i>Permanent residence address</i>	
Điện thoại/ <i>Telephone</i>	
Trình độ chuyên môn <i>Qualifications</i>	
Quá trình công tác <i>Working experience</i>	
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết <i>Current positions at the listed Companies</i>	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác <i>Current positions at other companies</i>	

¹ Người khai ghi rõ vị trí ứng cử/được đề cử: Thành viên Hội đồng quản trị/Thành viên HĐQT độc lập/Thành viên Ban Kiểm soát.

The candidate has to specify the nominating/nominated position: Member of BOD/ Independent Member of BOD/ Member of the Supervisory Board.

Số CP BSH nắm giữ <i>Number of BSH shares owned</i>	 cổ phần/shares
Đại diện sở hữu <i>Representing ownership</i>	 cổ phần/shares
Cá nhân sở hữu <i>Individual ownership</i>	 cổ phần/shares
Các cam kết nắm giữ (nếu có) <i>Holding commitments (if any)</i>	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu Công ty <i>Related persons holding the Company's shares</i>	Mối quan hệ:; tên cá nhân/tổ chức:; nắm giữ: cổ phiếu
	<i>Relationship:; individual/ organization:</i>; <i>holding:</i>shares

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát.

I hereby certify that the above statements are true and accurate, I shall take full responsibility by the law and commit to duty of honest performance if elected as a Member of the Board of Directors/ the Supervisory Board.

....., ngày tháng năm 2023
....., date month2023

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên
Signature and full name of the declarant

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

1. Quy định về việc bầu đồn phiếu:

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành theo nguyên tắc bầu đồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số quyền bầu cử của mình cho 1 ứng cử viên; hoặc một số ứng cử viên với số lượng bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số quyền bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần quyền bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào. Số lượng ứng viên được bầu trong mỗi phiếu không được vượt quá số lượng tối đa được phép bầu.

2. Cách thức bầu:

a) Xác định tổng số quyền bầu cử của 1 cổ đông (hoặc đại diện cổ đông):

Tổng số quyền bầu cử của cổ đông / được xác định theo công thức sau:

Tổng số quyền bầu cử	=	Tổng số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện	*	Số thành viên được bầu
----------------------------	---	--	---	---------------------------

Ví dụ:

Số lượng thành viên bầu vào HĐQT là 05 người, vào BKS là 3 người.

Ông X là cổ đông nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, quyền bầu cử HĐQT của ông X là $(1.000 \times 5) = 5.000$ phiếu và bầu cử BKS là $(1.000 \times 3) = 3.000$ phiếu

b) Cách thức bỏ phiếu:

Việc bầu cử là phân phối toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu cử của mình cho một hoặc một số ứng viên, trong đó số lượng phân phối cho mỗi ứng viên có thể khác nhau, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng viên đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Theo ví dụ trên khi bầu cử HĐQT, ông X chia tổng số quyền bầu cử của mình là 5.000 phiếu cho các ứng viên:

- **Trường hợp 1:** Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều số phiếu cho một số ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô trống tại ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng

TT	Danh sách ứng viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Văn A	x	
2	Trần Văn B	x	
3	Lê Văn C	x	
4	Phạm Văn D		
5	Phan Văn F	x	
6	Nguyễn Văn E		
	Tổng cộng		

Khi này số phiếu bầu cho mỗi ứng viên được đánh dấu sẽ bằng $= 5000/4 = 1250$ phiếu bầu

- **Trường hợp 2:** Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng

TT	Danh sách ứng viên	Bầu dồn đều phiếu	Số phiếu bầu
1	Nguyễn Văn A		500
2	Trần Văn B		1.200
3	Lê Văn C		3.000
4	Phạm Văn D		-
5	Phan Văn F		300
6	Nguyễn Văn E		-
	Tổng cộng		5.000

Lưu ý:

- Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nếu ông X dùng ít hơn hoặc dùng quá 5.000 phiếu bầu thì phiếu bầu của ông X là phiếu không hợp lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).4. 3765 3338. Fax: (+84).4.3 765 3336.

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số quyền bầu của người cầm phiếu. Số này trên từng phiếu là khác nhau tùy theo số cổ phần có quyền biểu quyết hiện đang nắm giữ hoặc đại diện. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá số này.

BAN TỔ CHỨC